

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM ĐÔNG  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 15-9-2017  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Trình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Duy Phong.
2. Ông Phạm Văn Cường.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 về việc: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1978.

Nơi cư trú: Xã TQ, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế - Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phan Ty, sinh năm: 1975.

Nơi cư trú cuối cùng: Xã HL, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế - Vắng mặt (Đã tuyên bố mất tích).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2017 và biên bản lấy lời khai của đương sự, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị L với anh Phan T có đi đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 16/11/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Thượng Quảng, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cuộc hôn nhân của vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Lý về sống tại gia đình anh Ty, địa chỉ: Thôn 2, xã Hương Lộc, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế được 07 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh Ty thường xuyên uống rượu, về nhà gây gỗ, đánh đập chị Lý nhiều lần, do không chịu được bạo lực của anh Ty nên chị Lý đã về nhà mẹ ruột tại thôn 6, xã Thượng Quảng, huyện

Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế ở cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa chị Lý và anh Ty không liên lạc với nhau, cũng không khuyên bảo về sống với nhau. Vào cuối năm 2015 để làm thủ tục ly hôn với anh Phan Ty, chị Lý đã đến gia đình anh Ty nhưng được biết anh Ty đã đi khỏi địa phương từ tháng 5 năm 2006 tính đến nay đã hơn 11 năm hoàn toàn không có tin tức gì về anh Ty. Chị Lý yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Ty mất tích để có cơ sở ly hôn với anh Ty. Ngày 18/7/2017 Tòa án nhân dân huyện Nam Đông ra Quyết định giải quyết việc dân sự số 06/2017/QĐDS-ST tuyên bố anh Phan Ty mất tích. Nay chị Lý có đơn xin ly hôn với người bị mất tích anh Phan Ty.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị Lý và anh Ty có 01 người con chung, cháu tên là Phan Nghĩa, sinh ngày 20/9/2002. Hiện nay, cháu Nghĩa đang được chị Lý nuôi dưỡng và chăm sóc. Sau khi ly hôn chị Lý có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nghĩa đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lý không yêu cầu anh Phan Ty phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên chị Lý không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa như sau:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 56; Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Lý được ly hôn với anh Phan Ty. Về con chung: Giao cháu Phan Nghĩa, sinh ngày 20/9/2002 cho chị Lý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Nghĩa đủ 18 tuổi. Anh Phan Ty không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lý không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lý và bị đơn anh Phan Ty đều vắng mặt, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông đề nghị xét xử vắng mặt vì chị Lý đã có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Phan Ty đã được Tòa án tuyên bố mất tích. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý với anh Phan Ty có đi đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 16/11/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Thượng Quảng, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế, điều kiện và thủ tục kết hôn đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị Lý, thấy rằng: Quá trình chung sống vợ chồng được thời gian thì anh Phan Ty tự ý bỏ đi khỏi địa phương và không sống chung với chị Lý thời gian đã lâu. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 06/2017/QĐDS-ST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đông tuyên bố anh Phan Ty mất tích và Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật, đến nay không ai biết anh

Ty đang ở đâu. Như vậy tình trạng vợ chồng chị Lý và anh Ty đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được cần áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Lý được ly hôn với anh Phan Ty.

2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị Lý và anh Ty có 01 người con chung, cháu tên là Phan Nghĩa, sinh ngày 20/9/2002. Hiện nay, cháu Nghĩa đang được chị Lý nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị Lý có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nghĩa đến khi đủ 18 tuổi. Do bị đơn anh Ty là người bị Tòa án tuyên bố mất tích nên không đủ cơ sở, điều kiện nuôi dưỡng cháu Nghĩa và theo nguyện vọng của cháu Nghĩa là được ở với chị Lý. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Nghĩa, cần căn cứ các Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình để giao cháu Nghĩa cho chị Lý trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu Nghĩa đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Nguyễn Thị Lý không yêu cầu anh Ty phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Ty.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Lý không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Lý phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Lý được ly hôn với anh Phan Ty.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Nghĩa, sinh ngày 20/9/2002 cho chị Nguyễn Thị Lý tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi cháu Nghĩa đủ 18 tuổi. Anh Phan Ty không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Ty có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Lý phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí mà chị Lý đã nộp theo biên lai thu

tiền số AA/2011/000612 ngày 11/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người nêu trên vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Ty có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Đường sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phan Trình**

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

## Các Hội thẩm

## Thẩm phán - Chủ toà phiên toà

# Phạm Văn Cường

## Phan Trình

- VKSND huyện Quảng Điền;
- *Đương sự:*
- Chi cục THADS huyện Quảng Điền;
- UBND xã Quảng Thành;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

# Trương Cao Sơn

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:**

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa

phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

